

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH****ĐẾN**

Số: 34 316

Giờ: Ngày 7 tháng 11 năm 11

CHỈ TIÊU**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết cố minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	514,809,026,425	321,506,766,351	1,355,470,308,632	935,225,503,666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.2	1,002,692,574	-	1,204,506,545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	513,806,333,851	321,506,766,351	1,354,265,802,087	935,225,503,666
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.3	461,869,696,720	253,055,948,517	1,163,293,772,492	751,393,448,874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	51,936,637,131	68,450,817,834	190,972,029,595	183,832,054,792
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.4	3,396,906,897	4,630,576,917	14,301,596,500	20,299,953,067
7. Chi phí tài chính	22 VI.5	33,108,108,043	29,369,587,747	102,769,497,830	73,022,005,653
Trong đó: chi phí lãi vay	23	27,573,379,918	19,308,818,783	70,096,869,435	48,481,130,989
8. Chi phí bán hàng	24 VI.6	11,035,264,328	21,952,960,321	41,340,611,922	46,187,267,177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.7	8,578,838,056	7,609,988,711	26,751,846,424	18,982,514,987
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2,611,333,601	14,148,857,972	34,411,669,919	65,940,220,042
11. Thu nhập khác	31 VI.8	1,140,726,545	3,799,241,412	11,046,071,894	4,904,282,692
12. Chi phí khác	32 VI.9	1,079,961,266	442,122,214	9,956,328,751	639,636,713
13. Lợi nhuận khác	40	60,765,279	3,357,119,198	1,089,743,143	4,264,645,979
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	6,239,225	-	177,781,549	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2,678,338,105	17,505,977,170	35,679,194,611	70,204,866,021
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	621,153,201	4,376,494,293	8,658,710,571	17,696,367,176

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(23,219,259)		52,500,000	97,565,975
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2,080,404,163</u>	<u>13,129,482,878</u>	<u>26,967,984,040</u>	<u>52,410,932,871</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		162,068,315		4,309,721,394	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1,918,335,848	13,129,482,878	22,658,262,646	52,410,932,871
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>78</u>	<u>926</u>	<u>926</u>	<u>3,063</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35,679,194,611	70,204,866,021
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21,201,556,358	18,973,204,053
- Các khoản dự phòng	03		11,063,138,000	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6,577,196,152)	1,603,734,672
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	70,096,869,435	48,481,130,989
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		131,463,562,252	139,262,935,735
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(172,522,335,131)	(65,952,283,368)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(203,314,322,132)	(191,423,272,210)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		63,753,424,584	(5,179,108,717)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,933,360,566)	(5,070,802,860)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(79,084,535,338)	(44,468,505,604)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(21,942,583,572)	(18,228,028,913)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		80,086,000	2,167,854,989
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11,086,931,540)	(45,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(296,586,995,443)	(188,936,210,948)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(66,446,843,120)	(30,982,665,071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10,680,454,543	2,468,075,351
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(51,000,000,000)	(1,075,856,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,000,000,000	13,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(45,504,500,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			3,003,165,323
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,830,684,845	4,519,200,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(110,440,203,732)	(8,368,080,397)



Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Th uyế	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			162,829,544,652
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7,530,045,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,170,190,097,339	915,115,708,289
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(796,169,828,012)	(811,305,116,100)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(392,000,000)	(2,415,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19,552,616,000)	(45,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		346,545,608,327	219,225,136,841
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(60,481,590,848)	21,920,845,496
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85,311,739,324	26,426,038,195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		91,160,173	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24,921,308,649	48,346,883,691

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Hồng Oanh

Trần Thị Thu

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,122,812,574,848	805,691,559,511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,921,308,649	85,311,739,324
1. Tiền	111		19,921,308,649	45,311,739,324
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	40,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23,519,950,000	39,855,378,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	34,917,568,000	40,189,858,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(11,397,618,000)	(334,480,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		436,011,731,065	335,381,862,552
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	284,935,055,540	279,740,163,135
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	141,625,013,858	48,450,072,960
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	9,482,194,367	7,222,159,157
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(30,532,700)	(30,532,700)
IV. Hàng tồn kho	140		472,032,149,365	268,717,827,233
1. Hàng tồn kho	141	V.7	472,032,149,365	268,717,827,233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		166,327,435,769	76,424,752,402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	4,792,489,212	2,180,294,914
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.9	51,908,400,592	17,059,004,791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	123,146,142	123,146,142
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	109,503,399,823	57,062,306,555



Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		403,657,903,243	305,502,334,570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		305,483,050,033	267,693,813,669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	216,806,013,590	197,471,885,701
<i>Nguyên giá</i>	222		311,458,311,447	275,625,161,489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(94,652,297,857)	(78,153,275,788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	6,818,239,123	5,332,850,947
<i>Nguyên giá</i>	225		8,350,827,544	6,293,514,270
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1,532,588,421)	(960,663,323)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	51,023,430,983	16,920,398,771
<i>Nguyên giá</i>	228		53,706,764,388	18,819,898,183
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,683,333,405)	(1,899,499,412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	30,835,366,337	47,968,678,250
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		76,875,166,041	31,020,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	23,465,166,041	15,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	53,410,000,000	16,020,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21,299,687,169	6,788,520,901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	7,655,650,394	6,334,484,126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		256,536,775	309,036,775
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	225,000,000	145,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269		13,162,500,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,526,470,478,091	1,111,193,894,081

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,104,916,949,567	678,298,085,034
I. Nợ ngắn hạn	310		937,714,454,686	526,345,128,464
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	753,576,079,805	389,427,471,597
2. Phải trả người bán	312	V.22	156,633,326,153	90,465,271,493
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	2,408,350,920	176,049,110
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	5,601,338,779	19,758,241,943
5. Phải trả người lao động	315	V.25	3,364,024,468	4,910,290,727
6. Chi phí phải trả	316	V.26	93,653,577	9,148,045,864
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	11,345,578,610	12,071,248,803
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	320	V.28	4,692,102,374	388,508,927
II. Nợ dài hạn	330		167,202,494,881	151,952,956,570
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	1,199,825,000	1,163,825,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	165,740,266,169	150,526,727,858
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.31	262,403,712	262,403,712
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		377,042,393,969	392,694,395,886
I. Vốn chủ sở hữu	410		377,042,393,969	392,694,395,886
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	250,000,000,000	250,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	69,047,988,652	69,047,988,652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,976,769,000)	(2,446,724,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.34	-	4,811,480,609
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.35	4,191,115,097	1,425,236,659
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.36	2,095,557,549	712,618,330
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	61,684,501,671	69,143,795,636
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		44,511,134,555	40,201,413,161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,526,470,478,091	1,111,193,894,081

Cho quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Ký Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Trần Thị Thu

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- Tổng số các công ty con** : 01..

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	CN1, khu công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	48,41%	48,41%
Công ty Đầu Tư Tài nguyên và Năng Lượng Thăng Long	Phòng 24.3 tòa nhà VIMECO, Đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	45%	45%

7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tên Công ty	Lý do
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản chưa có kết quả kinh doanh.

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 Công ty có 844 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.8.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 48 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011 Công ty không thực hiện đánh giá lại số dư đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.870.087.988	1.322.904.842
Tiền gửi ngân hàng	9.051.220.661	43.988.834.482
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	5.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	<u>24.921.308.649</u>	<u>85.311.739.324</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu (Công ty niêm yết)		28.217.568.000		30.489.858.000
- DZM			70.300	1.736.410.000
- HSG	119.150	2.359.170.000	119.150	2.359.170.000
- HUT	110.800	2.224.320.000	90.000	1.800.000.000
- KDC			20.400	1.030.200.000
- OGC	20.000	245.000.000	20.000	490.000.000
- PET	217.290	3.954.678.000	217.290	3.954.678.000
- PVX	612.000	12.866.400.000	612.000	12.866.400.000
- TBC	130.000	1.768.000.000	130.000	1.768.000.000
- VND	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
- HPC	30.000	315.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác		6.700.000.000		9.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Minh Ngọc vay với lãi suất 17%/năm		6.700.000.000		6.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà vay				3.000.000.000
Cộng		<u>34.917.568.000</u>		<u>40.189.858.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	334.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung	11.063.138.000
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u>11.397.618.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	284.935.055.540	279.740.163.135
Trả trước cho người bán	141.625.013.858	48.450.072.960
Cộng	426.560.069.398	328.190.236.095

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	4.141.000.000	4.266.000.000
Phải thu các đại lý lãi tiền vay	2.502.552.776	100.913.889
Phải thu do chi hộ	1.444.806.000	
Công ty Cổ phần Hợp Phú - Phần còn lại của hợp đồng đầu tư đã thanh lý		2.000.000.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	217.477.715	109.498.333
Thuế VAT hàng về chưa có hóa đơn	562.563.365	410.670.183
Các khoản phải thu khác	613.794.511	335.076.752
Cộng	9.482.194.367	7.222.159.157

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	38.712.445.379	49.611.671.016
Nguyên liệu, vật liệu	269.794.871.826	114.621.065.817
Công cụ, dụng cụ	5.798.207.006	6.082.680.731
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	(111)	11.427.650
Thành phẩm	113.585.643.315	75.346.564.326
Hàng hóa	43.939.102.469	22.842.538.212
Hàng gửi đi bán	201.879.481	201.879.481
Cộng	472.032.149.365	268.717.827.233

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	313.182.320	215.213.440
Chi phí lắp biển quảng cáo	2.710.863.941	451.921.660
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.106.871.759	1.087.744.145
Chi phí khác	435.755.476	425.415.669
Chi phí chờ kết chuyển	217.182.400	
Chi phí bản quyền	8.633.316	
Cộng	4.792.489.212	2.180.294.914

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	89.382.745.333	47.665.745.629
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.120.654.490	9.396.560.926
Cộng	<u>109.503.399.823</u>	<u>57.062.306.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2/CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	65.353.072.715	162.744.304.132	41.902.734.669	5.625.049.973	275.625.161.489
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	22.468.987.165	19.767.544.673	1.728.487.272	1.605.163.039	45.570.182.149
Giảm do Thanh lý, nhượng bán	(8.436.669.524)		(1.300.362.667)		(9.737.032.191)
Số cuối kỳ	79.385.390.356	182.511.848.805	42.330.859.274	7.230.213.012	311.458.311.447
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		14.450.221.254	570.381.927	384.214.045	15.404.817.226
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.833.860.200	61.441.063.619	9.211.138.231	1.667.213.738	78.153.275.788
Khấu hao trong kỳ	1.308.269.032	14.176.625.285	3.274.404.933	708.151.473	19.467.450.723
Giảm do Thanh lý, nhượng bán	(2.258.596.990)		(709.831.665)		(2.968.428.655)
Số cuối kỳ	4.883.532.242	75.617.688.904	11.775.711.500	2.375.365.211	94.652.297.857
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.519.212.515	101.303.240.513	32.691.596.438	3.957.836.235	197.471.885.701
Số cuối kỳ	74.501.858.114	106.894.159.901	30.555.147.774	4.854.847.801	216.806.013.590

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270		6.293.514.270
Thuê tài chính trong kỳ		2.057.313.274	2.057.313.274
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	960.663.323		960.663.323
Khấu hao trong kỳ	503.347.986	68.577.112	571.925.098
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.464.011.309	68.577.112	1.532.588.421
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.332.850.947		5.332.850.947
Số cuối kỳ	4.829.502.961	1.988.736.162	6.818.239.123

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.702.915.670	2.116.982.513	18.819.898.183
Tăng do xây dựng cơ bản hoàn thành	38.009.972.884		38.009.972.884
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(3.123.106.679)		(3.123.106.679)
Số cuối kỳ	51.589.781.875	2.116.982.513	53.706.764.388
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.179.769.637	719.729.775	1.899.499.412
Khấu hao trong kỳ	836.426.904	325.753.632	1.162.180.536
Thanh lý, nhượng bán	(378.346.543)		(378.346.543)
Số cuối kỳ	1.637.849.998	1.045.483.407	2.683.333.405
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.523.146.033	1.397.252.738	16.920.398.771
Số cuối kỳ	49.951.931.877	1.071.499.106	51.023.430.983

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng tài sản cố định trong kỳ	
				Số cuối kỳ
Nhà máy Sơn Hà tại Hóc Môn	47.968.678.250	46.125.418.276	66.358.528.214	27.735.568.312
Chi phí phần mềm chăm công		253.200.000		253.200.000
Máy ủ băng		538.317.000	538.317.000	
Hệ thống máy hút bụi		314.342.000	314.342.000	
Máy đánh bóng ống		627.087.591	627.087.591	
Máy lốc ống		60.577.845	60.577.845	
Con lăn tạo hình ống		116.770.885	116.770.885	
Máy bơm thủy lực		49.500.000		49.500.000
Công trình mở rộng xưởng sản xuất		2.797.098.025		2.797.098.025
Các công trình khác		99.230.000	99.230.000	
Cộng	47.968.678.250	47.330.507.276	67.310.417.214	30.835.366.337

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	30,00%	15.000.000.000	30,00%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất thái dương năng	48,41%	9.320.432.670		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các công trình xây dựng	45%	(855.266.629)		
Cộng			23.465.166.041		15.000.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%.

(ii) Trong năm Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty lên 48,41%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long được ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn và Lê Hoàng Hà theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 4 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2011, giá trị khoản đầu tư là 13,77 tỷ đồng bao gồm: Tiền mua quyền góp vốn 9.000.000 cổ phần với giá 13,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 là 0,27 tỷ đồng. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 0500580616 ngày 06 tháng 03 năm 2008 và

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thay đổi lần 6 ngày 01 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Vốn góp của ông Lê Vinh Sơn, ông Lê Hoàng Hà chiếm 45% trong tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

Giá gốc của khoản đầu tư	9.682.000.000
Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(361,567,330)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	9.320.432.670

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

Giá gốc của khoản đầu tư theo tiến độ góp vốn	270.000.000
Mua quyền góp vốn ghi nhận vào lợi thế thương mại	13.500.000.000
Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(1.125.266.629)
Lỗi lãi phát sinh lũy kế kỳ trước	(1.055.051.033)
Lỗi phát sinh kỳ này	(70.215.596)
Giá trị thuần khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	(855.266.629)

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Dự án Paradise Garden ^(a)		12.500.000.000		5.000.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long ^(b)				6.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà			231.000	2.310.000.000
Dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower" ^(c)		23.200.000.000		
Cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng với lãi suất 19%/năm		15.000.000.000		
Cộng		53,410,000,000		16.020.000.000

^(a) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án "Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden" giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2011, Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

góp đủ số vốn theo cam kết, trong đó vốn đầu tư của Sơn Hà là 18% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 7%.

- (c) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/1011/HĐHTĐT ngày 24 tháng 01 năm 2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc về việc hợp tác đầu tư vào dự án "tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower". Tổng vốn góp dự kiến là 240 tỷ đồng, trong đó Công ty góp trực tiếp 35%, tính đến 30 tháng 09 năm 2011 công ty đã góp 1.75 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2011, giá trị khoản ủy thác đầu tư là 21,45 tỷ đồng gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng.

15. Lợi thế thương mại

	Kỳ này
Số đầu năm	
Tăng do mua quyền góp vốn vào công ty Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long	13.500.000.000
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	(337.500.000)
Số cuối kỳ	13.162.500.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	785.490.065	622.154.933	631.218.671	776.426.327
Công cụ dụng cụ	2.175.021.172	3.368.402.745	1.488.292.205	4.055.131.712
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường	50.049.123		50.049.123	
Phí bảo hiểm tài sản	167.447.869	108.277.756	271.779.250	3.946.375
Chi phí xây dựng các showroom	59.980.470		59.980.470	
Chi phí sửa chữa tài sản	929.729.491	518.346.000	507.321.770	940.753.721
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.129.480.276		643.750.020	1.485.730.256
Các chi phí khác	37.285.660	479.899.802	123.523.459	393.662.003
Cộng	6.334.484.126	5.097.081.236	3.775.914.968	7.655.650.394

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	745.733.139.531	347.843.526.803
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	116.711.207.771	88.195.321.954
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	70.903.498.573	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	46.782.097.206	37.361.196.372
Ngân hàng TMCP Hàng hải	182.305.569.774	130.326.339.430

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	62.172.266.635	39.612.350.385
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	118.936.438.407	42.832.529.880
Ngân hàng TMCP Nam Việt	128.023.652.089	
Ngân hàng TMCP Đại Dương		9.515.788.782
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh TPHCM	19.898.409.076	:
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.418.440.274</i>	<i>40.359.944.794</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>424.500.000</i>	<i>1.224.000.000</i>
Cộng	753.576.079.805	389.427.471.597

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	347.843.526.803	40.359.944.794	1.224.000.000	389.427.471.597
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.134.440.036.559			1.134.440.036.559
Số kết chuyển		12.528.478.821	237.000.000	12.765.478.821
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	5.733.877.192			5.733.877.192
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(742.284.301.023)	(45.469.983.341)	(1.036.500.000)	(436.436.649.412)
Số cuối năm	745.733.139.531	7.418.440.274	424.500.000	753.576.079.805

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.571.608	58.987.540	97.559.148	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.646.694.468	70.650.071.787	71.134.846.419	2.161.919.836
Thuế xuất. nhập khẩu	21.526.629	598.491.153	583.551.613	36.466.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.368.443.610	8.658.710.571	21.942.583.572	3.084.570.609
Thuế thu nhập cá nhân	20.266.020	279.842.955	252.318.057	47.790.918
Tiền thuê đất	134.725.266	189.793.839	177.074.000	147.445.105
Các loại thuế khác	404.868.200		404.868.200	
Cộng	19.635.095.801	80.435.897.845	94.592.801.009	5.478.192.637

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, *Minh Khai, *Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong đó:	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	19.758.241.943	5.601.338.779
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(123.146.142)	(123.146.142)
Cộng	19.635.095.801	5.478.192.637

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.679.194.611	70.204.866.021
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(467.184.996)	(337.429.116)
- Các khoản điều chỉnh tăng (lỗ của chi nhánh Sơn Hà)	145.895.553	52.834.784
- Các khoản điều chỉnh giảm	(613.080.549)	(390.263.900)
+ Lãi, lỗ đã thực hiện do hợp nhất kinh doanh	127.500.000	(390.263.900)
+ Cổ tức và lợi nhuận được chia	(562.799.000)	
+ Lãi công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	(177.781.549)	
Thu nhập tính thuế	35.212.009.615	69.867.436.905
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	8.803.002.403	17.466.859.226
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	(144.291.833)	229.507.949
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.658.710.570	17.696.367.175

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	32.638.937	9.020.304.840
Các khoản phải trả khác	61.014.640	127.741.024
Cộng	93.653.577	9.148.045.864

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	141.783.820	38.783.134
Kinh phí công đoàn	380.474.545	761.875.063
Bảo hiểm thất nghiệp	44.071.920	
Nhận ủy thác đầu tư	10.700.000.000	9.050.000.000
Tiền phạt		1.741.503.573
Các khoản phải trả khác	79.248.325	479.087.033
Cộng	11.345.578.610	12.071.248.803

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	388.508.927
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.259.507.447
Tăng khác	44.086.000
Chi quỹ trong kỳ	
Số cuối kỳ	4.692.102.374

22. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	62.255.614.355	48.650.503.044
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ^(a)		7.379.043.648
Ngân hàng TMCP Hàng Hải ^(b)	10.581.681.180	10.581.681.180
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ^(c)	3.481.918.711	3.481.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(d)	6.139.195.302	6.139.195.302
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn ^(e)	21.063.653.127	8.888.630.018
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ^(f)	3.704.359.101	2.988.300.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh ^(g)	1.709.843.580	1.709.843.580
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(h)	15.172.193.354	7.481.890.604
Ngân hàng TMCP Việt nam Thương Tín (Viet Bank) ⁽ⁱ⁾	402.770.000	:
Nợ dài hạn	3.484.651.814	1.876.224.814
Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam	3.484.651.814	1.876.224.814

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm ^(k)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm ^(l)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	165.740.266.169	150.526.727.858

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD_SONHA ngày 25 tháng 08 năm 2006 trong thời hạn 65 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Đến 30 tháng 09 năm 2011, Công ty đã trả hết số nợ này.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty với tổng giá trị vay là 36,5 tỷ. Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ VND.
- (c) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTĐTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ VND, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.
- (d) Vay ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 17 tháng 09 năm 2009, Hợp đồng 6028/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 16 tháng 10 năm 2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTĐ/SME-DN/TCB-HKM ngày 14 tháng 12 năm 2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng số số 0121/09/SG ngày 19 tháng 9 năm 2009 và số 0025/10/SG.DN ngày 19 tháng 7 năm 2010 để trả tiền mua đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng trên đất. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ước tính 38,421 tỷ VND và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 25 tỷ VND;
- (f) Vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á chi nhánh chợ Lớn theo các hợp đồng tín dụng số 18010/HĐTĐ-TDH/DN, 18110/HĐTĐ-TDH/DN, 18210/HĐTĐ-TDH/DN ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thanh toán tiền mua ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28 tháng 9 năm 2007 trong thời gian 54 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (h) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTĐ-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư và phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số PGDLTT.CN.01280311 ngày 25 tháng 04 năm 2011, số tiền vay 500 triệu VND, thời hạn 36 tháng, lãi suất áp dụng theo từng khế ước, Mục đích vay dùng để mua 1 ô tô hiệu ISUZU NMR85H; Tài sản đảm bảo là tài sản được hình thành từ vốn vay là 01 chiếc xe ô tô tải 3 chỗ ngồi, hiệu ISUZU NMR85H trị giá 560 triệu VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (k) Trái phiếu công ty phát hành cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với tư cách là đại lý quản lý các tài khoản để Đầu tư sản xuất thép không gỉ cán nguội và ống thép Inox công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phùng, thời hạn 02 năm đáo hạn ngày 09 tháng 08 năm 2012. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16% và năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietinbank cộng biên độ 5%. Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sở hữu 3.600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thuộc sở hữu của các cổ đông.
- (l) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng TMCP An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>
Từ 1 năm trở xuống	
Trên 1 năm đến 5 năm	165.740.266.169
Trên 5 năm	
Tổng nợ	<u>165.740.266.169</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Thuê tài chính</u>	<u>Trái phiếu</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	48.650.503.044	1.876.224.814	100.000.000.000	150.526.727.858
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	25.728.113.414	2.237.427.000		27.965.540.414
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(7.379.043.648)	(392.000.000)		(7.771.043.648)
Số kết chuyển	(4.743.958.455)	(237.000.000)		(4.980.958.455)
Số cuối kỳ	<u>62.255.614.355</u>	<u>3.484.651.814</u>	<u>100.000.000.000</u>	<u>165.740.266.169</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	57.260.700.000	53.360.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	45.000.000.000	45.000.000.000
Ông Lê Văn Ngà	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ đông khác	123.739.300.000	127.640.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.047.988.652	69.047.988.652
Cổ phiếu quỹ	(9.976.769.000)	(2.446.724.000)
Cộng	<u>309.071.219.652</u>	<u>316.601.264.652</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	559.230	126.710
• Cổ phiếu phổ thông	559.230	126.710
• Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.440.770	24.873.290
• Cổ phiếu phổ thông	24.440.770	24.873.290
• Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886
Mua cổ phiếu quỹ trong kỳ			(7.530.045.000)					(7.530.045.000)
Lợi nhuận trong kỳ này							22.658.262.647	22.658.262.647
Trích lập các quỹ trong kỳ này					2.765.878.438	1.382.939.219	(8.408.325.104)	(4.259.507.447)
Chi thù lao hội đồng quản trị							(492.000.000)	(492.000.000)
Phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết							(1.664.615.508)	(1.664.615.508)
Chia cổ tức							(19.552.616.000)	(19.552.616.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá				(4.811.480.609)				(4.811.480.609)
Số dư cuối kỳ này	250.000.000.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	-	4.191.115.097	2.095.557.549	61.684.501.671	377.042.393.969

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	40.201.413.161	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.309.721.394	
Số cuối kỳ	<u>44.511.134.555</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

26. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	514.809.026.425	321.506.766.351
- Doanh thu bán hàng hóa	71.792.592.580	61.186.956.696
- Doanh thu bán thành phẩm	442.414.091.134	259.425.261.005
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	602.342.711	894.548.650
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.002.692.574	
- Chiết khấu thương mại	141.867.546	
- Hàng bán bị trả lại	860.825.028	
Doanh thu thuần	513.806.333.851	321.506.766.351
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	71.792.592.580	61.186.956.696
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	441.411.398.560	259.425.261.005
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	602.342.711	894.548.650

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	65.520.217.011	43.616.311.192
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	396.306.301.639	209.241.012.634
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.178.070	198.624.691
Cộng	461.869.696.720	253.055.948.517

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.790.474.443	2.236.098.553
Cổ tức, lợi nhuận được chia	78.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.528.432.454	2.394.478.364
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết		
Cộng	3.396.906.897	4.630.576.917

29. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	27.573.379.918	19.308.818.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.275.989.960	9.774.165.410
Chi phí tài chính khác	258.738.165	286.603.554
Cộng	33.108.108.043	29.369.587.747

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**30. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	3.882.311.126	3.317.998.955
Chi phí vật liệu, bao bì	1.543.562.737	923.594.114
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	366.618.824	40.518.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	758.269.747	3.477.694.366
Chi phí bảo hành	15.925.780	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.318.681.135	4.310.913.904
Chi phí bằng tiền khác	2.149.894.979	9.882.240.782
Cộng	<u>11.035.264.328</u>	<u>21.952.960.321</u>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.795.935.212	1.568.309.144
Chi phí vật liệu quản lý	330.826.131	253.435.921
Chi phí đồ dùng văn phòng	132.274.406	144.173.390
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.295.041.919	1.139.183.195
Thuế, phí và lệ phí	28.200.010	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.030.347.230	2.203.178.399
Chi phí bằng tiền khác	1.966.213.148	2.301.708.662
Cộng	<u>8.578.838.056</u>	<u>7.609.988.711</u>

32. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	943.181.816	2.195.348.078
Lãi tiền thanh lý vật tư		1.595.898.347
Trả lại phí bảo hiểm vật chất do thanh lý trước hạn	104.476.852	
Thu nhập khác	93.067.877	7.994.987
Cộng	<u>1.140.726.545</u>	<u>3.799.241.412</u>

33. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	590.531.002	439.136.224
Giá trị còn lại của phí bảo hiểm	104.476.852	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	532.647.000	
Hoàn nhập tiền phạt truy thu thuế	(217.900.685)	
Chi phí khác	70.207.097	2.985.990
Cộng	<u>1.079.961.266</u>	<u>442.122.214</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm tài chính 2011, kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.918.335.848	13.129.482.878
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.918.335.848	13.129.482.878
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.464.714	17.111.111
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	78	767

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.873.290	15.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 6 năm 2010		1.333.333
Ảnh hưởng của 8.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 8 năm 2010		777.778
Ảnh hưởng của 217.020 cổ phiếu phổ thông được mua lại trong tháng 1 năm 2011	(217.020)	
Ảnh hưởng của 215.500 cổ phiếu phổ thông được mua lại trong tháng 2 năm 2011	(191.556)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.464.714	17.111.111

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Trần Thị Thu

Lê Hoàng Hà